TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/DS-ST
Ngày: 22-3-2019
V/v: Tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Giao

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thơ

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Kiều

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Phúc- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2018/TLST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp "Đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXX-DS ngày 14 tháng 02 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2019/QĐST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Trần Nhật T, sinh năm 1980; Địa chỉ: Tổ X, ấp H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: Nguyễn Hữu O, sinh năm 1978; Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Nhật T trình bày:**

Vào ngày 18-9-2013, anh Nguyễn Hữu O có vay của anh T số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 10%/tháng, thời gian vay là một tháng (từ ngày 18-9-2013 đến 18-10-2013), khi vay có làm biên nhận nợ. Từ khi vay, anh O không đóng lãi cũng như không trả vốn cho anh T khi đến thời hạn trả. Anh T nhiều lần nhắc nhở, anh O chỉ hứa hẹn, trốn tránh và kéo dài thời hạn trả nợ cho đến nay.

Do đó, anh T yêu cầu Tòa án buộc anh O phải có trách nhiệm trả cho anh số tiền còn nợ là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

* Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn anh Nguyễn Hữu O nhưng anh O đều vắng mặt đồng thời không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án tiến hành các thủ tục xác minh, lấy lời khai nhưng bị đơn không có mặt tại nhà khi cán bộ Tòa án đến, nên không lấy được lời khai của bị đơn.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

+ Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh O phải trả cho anh T số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp: Xét về hình thức giao dịch dân sự giữa anh Trần Nhật T và anh Nguyễn Hữu O là hợp đồng vay tài sản quy định của pháp luật tại Điều 471 Bộ luật dân sự 2005, tuy nhiên do thời hiệu khởi kiện là 2 năm kể từ ngày 18-10-2013 đã hết theo quy định tại Điều 427 Bộ luật Dân sự 2005 nên anh T không khởi kiện hợp đồng vay mà khởi kiện tranh chấp đòi tài sản do người khác quản lý chiếm hữu theo khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng theo quy định của pháp luật.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Anh T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết về tranh chấp đòi tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; tại biên bản xác minh ngày 16-01-2019, Công an xã V xác nhận anh O hiện có đăng ký hộ khẩu tại ấp T, xã V, huyện C, tỉnh An Giang và thường xuyên có mặt tại địa phương. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Giao dịch dân sự giữa anh Trần Nhật T và Nguyễn Hữu O đã được thực hiện xong trước ngày 01-01-2017, nay xảy ra tranh chấp, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015 áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết.

Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và các chứng cứ có trong hồ sơ là biên nhận ngày 18-9-2013 có chữ ký xác nhận của anh Nguyễn Hữu O đã xác định được anh Nguyễn Hữu O có vay của anh Trần Nhật T số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), tuy đã quá thời hạn trả nợ nhưng anh O chưa thanh toán cho anh T. Việc anh O đến hạn nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho anh T đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào Điều 256 Bộ luật Dân sự 2005 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, buộc anh Nguyễn Hữu O có nghĩa vụ trả cho anh Trần Nhật T số tiền còn nợ là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí đối với khoản tiền phải thanh toán cho nguyên đơn là 30.000.000đ x 5% = 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng).

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 256 của Bộ luật Dân sự 2005; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Nhật T. Buộc anh Nguyễn Hữu O có nghĩa vụ trả lại cho anh Trần Nhật T số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

2. Về án phí sơ thẩm:

- Anh Trần Nhật T được nhận lại số tiền 750.000đ (Bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003539 ngày 20-6-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Anh Nguyễn Hữu O phải chịu 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Anh Trần Nhật T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22-3-2019). Anh Nguyễn Hữu O được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Ngọc Giao